

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/KDTM - PT
Ngày: 27 – 10 – 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé;
Bà Mai Vương Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Duy Đức, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Bà Đặng Ngọc Hoài Linh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM – ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2020/QĐXXPT-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV Q.

Địa chỉ: đường H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị Kim X: Giám đốc QLKH Khu vực Miền Trung - Khối QL&TCTTS. Có mặt

- Ông Nguyễn Xuân S: Chuyên gia cao cấp - Khối QL&TCTTS. Vắng mặt

- Ông Hoàng Thế Qg: Chuyên gia QLKH - Khối QL&TCTTS. Có mặt
- Ông Nguyễn Văn L: Chuyên viên Tổ Tụng- Khối QL&TCTTS. Có mặt

Là những người đại diện theo ủy quyền, theo Hợp đồng ủy quyền số: 6962/2018/UQ.VAMC-PVCOMBANK ngày 29 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty TNHH MTV Q và Ngân hàng TMCP Đ; Giấy ủy quyền số: 10998/UQ-PVB ngày 02/11/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Đ và Giấy ủy quyền số: 16808/UQ-PVB ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản của Ngân hàng TMCP Đ.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S.

Địa chỉ: đường N, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, là nhân viên Công ty; trú tại: đường T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 8 năm 2020 của ông Lê Bá H - Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty). Có mặt

3. *Người kháng cáo*: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn - Công ty TNHH MTV Q: Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh tại Đà Nẵng theo 04 Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 16/2015/HĐTD – PVB-CNĐNg ngày 02/11/2015 với hạn mức 145.000.000.000đ. Lãi hiện tại là 12%/năm, lãi quá hạn là 18%/năm. Đã giải ngân toàn bộ số tiền: 145.000.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số: 17/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg ngày 02/11/2015 có trị giá 22.000.000.000đ. Lãi suất hiện tại là 12%/năm, quá hạn là 18%/năm. Đã giải ngân toàn bộ số tiền: 22.000.000.000đ;

- Hợp đồng tín dụng số: 22/2016/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016 có trị giá hạn mức 9.991.800.000đ. Lãi suất hiện tại là 11%/năm, quá hạn 16,5%/năm. Đã giải ngân trong hạn mức số tiền: 1.348.200.000đ.

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số: 44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN ngày 14/11/2016 và Phụ lục số PL 01-44/2016/HĐHM –PVB-CNĐN ngày 24/01/2017

có giá trị hạn mức 7.500.000.000đ. Lãi suất hiện tại quá hạn 13,8%/năm. Đã giải ngân trong hạn mức số tiền: 7.499.004.866đ.

NGÂN HÀNG TMCP Đ đã giải ngân cho CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S với tổng dư nợ tính đến nay là 175.847.204.866đ. Tính đến ngày 20/11/2019, CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S đã thanh toán nợ cho NGÂN HÀNG TMCP Đ tổng số tiền: 35.008.793.875đ, trong đó nợ gốc: 1.937.862.110đ và nợ lãi: 33.070.931.765đ. Phần nghĩa vụ vi phạm tính đến hết ngày 20/11/2019 là: 233.814.818.324đ, trong đó nợ gốc: 173.514.133.756 đồng và tiền lãi: 60.300.684.568 đồng.

Để đảm bảo nợ vay, CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 26/2015/HĐBĐ/PVB-CNĐNg ngày 05/11/2015 và Phụ lục sửa đổi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: PL01-26/2015/HĐBĐ/PVB-CNĐNg ngày 24/01/2017 với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số ... do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/6/2015.

- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số: 28/2015/HĐBĐ-PVB-CNĐNg ngày 19/01/2016 với tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị thuộc công trình khách sạn CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S.

- Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 22/2016/HĐBĐ-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016 với tài sản thế chấp là xe ô tô Mercedes biển kiểm soát số ... theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số ... do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/7/2016.

Ngày 29/12/2018, NGÂN HÀNG TMCP Đ đã thực hiện việc bán nợ của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S tại NGÂN HÀNG TMCP Đ cho Công ty TNHH MTV Q theo Hợp đồng mua, bán nợ số: 6961/2018/MBN.VAMC-PVCOMBANK và đã gửi Công văn số 1407/PVB-QL&TCTTS để thông báo cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S về việc mua, bán nợ, cũng như tiếp tục thực hiện các phương án xử lý đối với khoản nợ của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S.

Do CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S vi phạm cam kết trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng, không tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm theo

cam kết cũng như cố tình cản trở CÔNG TY TNHH MTV Q thực hiện quyền theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên CÔNG TY TNHH MTV Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S phải trả cho CÔNG TY TNHH MTV Q tổng số tiền 246.226.548.732 đ, trong đó nợ gốc: 173.514.133.756đ và nợ lãi tính đến ngày 21 tháng 5 năm 2020: 72.712.414.976đ.

- CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S phải tiếp tục trả cho CÔNG TY TNHH MTV Q các khoản nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo mức lãi suất theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số: 16/2015/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 02/11/2015; Số 17/2015/HĐTD-PVB-CNĐN; Số 22/2016/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016; Số 44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN ngày 14/11/2016 và Phụ lục số PL 01-44/VB-CNĐN ngày 24/01/2017 kể từ ngày 22/5/2020 cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay.

- CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S không thanh toán được toàn bộ nghĩa vụ nợ thì CÔNG TY TNHH MTV Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại đồng thời hoặc lần lượt các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các Hợp đồng thế chấp sau:

- + Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 26/2015/HĐBĐ/PVB-CNĐN ngày 05/11/2015 và Phụ lục sửa đổi Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01-26/2015/HĐBĐ/PVB-CNĐN ngày 24/01/2017 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 28/2015/HĐBĐ-PVB- CNĐN ngày 19/01/2016 (là các tài sản gắn liền và không thể tách rời với các công trình khách sạn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S).

- + Tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 22/2016/HĐBĐ-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016.

** Bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S thừa nhận còn nợ CÔNG TY TNHH MTV Q số tiền là 233.814.818.324đ trong đó dư nợ gốc là 173.514.133.756đ và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 20/11/2019 là 60.300.684.568đ. Tuy nhiên, hiện nay CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S đang khó khăn về kinh tế nên chưa thể trả số nợ trên cho nguyên đơn được, khi nào CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S bán được khách sạn CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S thì sẽ trả nợ trên.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.*

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM – ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

- Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm g, khoản 1 điều 40, khoản 1 điều 147, khoản 2 điều 227, điều 235 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các điều 299, 317, 365, 368, 463 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Công ty TNHH MTV Q với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S.

2. Xử: Buộc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S phải trả cho Công ty TNHH MTV Q tổng số tiền 246.226.548.732đ (hai trăm bốn mươi sáu tỷ, hai trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi tám ngàn, bảy trăm ba mươi hai đồng). Trong đó có 173.514.133.756đ (một trăm bảy mươi ba tỷ năm trăm mười bốn triệu một trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi sáu đồng) nợ gốc và 72.712.414.976đ (bảy mươi hai tỷ, bảy trăm mười hai triệu, bốn trăm mười bốn ngàn, chín trăm bảy mươi sáu đồng) nợ lãi.

Nếu Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S không trả nợ thì tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số ... do Sở tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 6 năm 2015, số vào sổ GCN: ...; toàn bộ máy móc và thiết bị thuộc công trình khách sạn S được mô tả theo phụ lục Hợp đồng kinh tế số 03 -03/2013/HĐKT ngày 25 tháng 11 năm 2013 được ký giữa Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S và Công ty CP nhà V và các hợp đồng mua bán thiết bị khác cho khách sạn S, xe ô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số ... do Phòng cảnh sát giao thông – Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25 tháng 7 năm 2016 sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

Tiền nợ lãi tiếp tục tính kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 16/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg ngày 02/11/2015; Số 17/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg; Số 22/2016/HĐTD-

PVB-CNĐN ngày 27/7/2016; hợp đồng hạn mức tín dụng Số 44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN ngày 14/11/2016 và Phụ lục số PL 01-44/VB-CNĐN ngày 24/01/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/6/2020 bị đơn có đơn kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì lý do Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án phải là Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, nơi CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S có trụ sở đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hơn nữa, giữa CÔNG TY TNHH MTV Q và CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S không ký kết bất kỳ một hợp đồng tín dụng nào nên sẽ không có nguyên nhân trực tiếp phát sinh tranh chấp từ Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn như Tòa án nhân dân quận Hải Châu viện dẫn.

Ngoài ra, tại Đơn trình bày ngày 17/9/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo pháp luật của Công ty CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S trình bày: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ S có nguyện vọng xin được giãn thời gian thanh toán nợ gốc và nợ lãi với Công ty CÔNG TY TNHH MTV Q trong vòng 12 tháng, kể từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/11/2021.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Công ty TNHH MTV Q và bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết ở cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, nên đề nghị HĐXX sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sự thảo luận thống nhất của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Công ty TNHH MTV Q và bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, bao gồm: các khoản nợ gốc, lãi tính đến hết ngày 26/10/2020, lãi tiếp theo tính từ ngày 27/10/2020 đến khi tất toán, thời hạn thanh toán các khoản nợ, quyền yêu cầu thi hành án kê biên, phát mại các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký, về án phí, nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, (kèm theo Biên bản ghi nhận sự thảo luận về việc giải quyết toàn bộ vụ án của các đương sự).

[2] Xét thấy, sự thỏa thuận thống nhất của Công ty TNHH MTV Q và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Miền Nam - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S tại phiên tòa là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM – ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Miền Nam - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S phải chịu số tiền là 369.384.285 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM – ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S còn nợ Công ty TNHH MTV Q tổng số tiền 261.387.285.483đ (*hai trăm sáu mươi một tỷ, ba trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi lăm ngàn, bốn trăm tám mươi ba đồng*). Trong đó, nợ gốc là 173.514.133.756đ và nợ lãi tính đến hết ngày 26/10/2020 là: 87.873.151.727đ, gồm: lãi trong hạn là 66.523.121.181đ, lãi quá hạn là 9.417.044.819đ và lãi phạt trên lãi quá hạn là 11.932.985.727đ.

2. Các khoản nợ lãi trên tiếp tục tính kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2020 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 16/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg ngày 02/11/2015; Số 17/2015/HĐTD-PVB-CNĐNg; Số 22/2016/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 27/7/2016; Hợp đồng hạn mức tín dụng Số 44/2016/HĐHM-PVB-CNĐN ngày 14/11/2016 và Phụ lục số PL 01-44/VB-CNĐN ngày 24/01/2017 cho đến khi tất toán.

3. Về thời hạn thanh toán:

3.1. Từ tháng 5/2021 đến hết tháng 10/2021 Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S thanh toán cho Công ty TNHH MTV Q tổng cộng 25.000.000.000đ (*Hai mươi lăm tỉ đồng*) tiền nợ gốc, theo thời hạn cụ thể như sau:

- Từ 01/5/2021 đến 31/5/2021 thanh toán 1.000.000.000đ (Một tỉ đồng);
- Từ 01/6/2021 đến 30/6/2021 thanh toán 2.000.000.000đ (Hai tỉ đồng);
- Từ 01/7/2021 đến 31/7/2021 thanh toán 4.000.000.000đ (Bốn tỉ đồng);
- Từ 01/8/2021 đến 31/8/2021 thanh toán 6.000.000.000đ (Sáu tỉ đồng);
- Từ 01/9/2021 đến 30/9/2021 thanh toán 8.000.000.000đ (Tám tỉ đồng);
- Từ 01/10/2021 đến 31/10/2021 thanh toán 4.000.000.000đ (Bốn tỉ đồng).

3.2. Ngày 01/11/2021 Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S thanh toán hết tất cả các khoản nợ gốc và lãi còn lại (bao gồm cả khoản lãi phát sinh từ ngày 27/10/2020).

3.3. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S vi phạm một trong các thời hạn thanh toán như thỏa thuận trên thì Công ty TNHH MTV Q có quyền yêu cầu thi hành án tất cả các khoản nợ trên của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S.

4. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S không thanh toán được toàn bộ khoản nợ vay thì Công ty TNHH MTV Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại đồng thời hoặc lần lượt các tài sản thế chấp như sau để thu hồi nợ vay:

- Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 12, diện tích: 525,1m², hình thức sử dụng: sử dụng riêng, mục đích đất thương mại, dịch vụ, thời hạn lâu dài, địa chỉ thửa đất: đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ..., số vào sổ cấp giấy chứng nhận ... do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/6/2015 và công trình khách sạn S có diện tích xây dựng là 491,4m², diện tích sàn: 9632,9m², công trình cấp 2, số tầng 01 tầng bán hầm, 01 tầng lửng và 16

tăng nổi theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 26/2015/HĐBĐ/PVB-CNĐNg ngày 05 tháng 11 năm 2015 và Phụ lục sửa đổi Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01-26/2015/HĐBĐ/PVB-CNĐNg ngày 24 tháng 01 năm 2017 được ký giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S.

- Toàn bộ máy móc thiết bị công trình Khách sạn S được mô tả theo Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 03-03/2013/HĐKT ngày 25/11/2013 được ký giữa Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S với Công ty CP N và các hợp đồng mua bán thiết bị khác cho Khách sạn S theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 28/2015/HĐBĐ-PVB- CNĐNg ngày 19 tháng 01 năm 2016 được ký giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S.

- Xe ô tô hiệu Mercedes-Benz biển kiểm sát số ... chủ sở hữu Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 22/2016/HĐBĐ-PVB-CNĐN ngày 27 ngày 7 năm 2016 được ký giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S.

5. Về Án phí kinh doanh thương mại:

5.1. Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S phải nộp 369.384.285 đồng (*Ba trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng*).

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV Q số tiền tạm ứng án phí 170.907.409đ đã thu theo biên lai thu số 8702 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5.2. Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S phải nộp 2.000.000 đ (*Hai triệu đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đ theo biên lai thu số 9156 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

6. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Miền Nam - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ S có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH MTV Q là 2.000.000đ tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Văn Hiếu

